



Dinh dưỡng chất lượng cuộc sống

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA

Tên tiếng anh : BIBICA CORPORATION

Tên viết tắt : BIBICA

Vốn điều lệ : 154.207.820.000 đồng

Trụ sở chính : 443, Lý Thường Kiệt, F8, Q. Tân Bình, Tp HCM

Số điện thoại : 84.028.39717920

Số fax : 84.028.39717922

Website : www.bibica.com.vn

Mã cổ phiếu : BBC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600363970

Báo cáo thường niên 2017

NỘI DUNG

TÁM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

A.- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

I.- THÔNG TIN CHUNG	4
1. Quá trình hình thành và phát triển	4
2. Ngành nghề kinh doanh	7
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	9
4. Định hướng phát triển	11
5. Các rủi ro.....	12
II.- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	13
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	13
2. Tổ chức và nhân sự	14
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án và nghị quyết.....	16
4. Tình hình tài chính	17
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	19
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	20
III.- BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	22
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	22
2. Tình hình tài chính	24
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	25
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	25
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	26
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	27
IV.- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	28
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty.....	28
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.....	28
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	28
V.- QUẢN TRỊ CÔNG TY	29
1. Hội đồng quản trị	29
2. Ban kiểm soát.....	32
3. Các giao dịch, thù lao và của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	33
VI.- BÁO CÁO TÀI CHÍNH	34
1. Ý kiến kiểm toán.....	34
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	36



Tầm nhìn

CÔNG TY BÁNH KẸO HÀNG ĐẦU VIỆT NAM



Sứ mệnh

LỢI ÍCH NGƯỜI TIÊU DÙNG: GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG & AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

LỢI ÍCH XÃ HỘI: 100 PHÒNG HỌC, 1000 SUẤT HỌC BỔNG.

Chính sách chất lượng

“KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM TRONG MỌI HOẠT ĐỘNG CỦA CHÚNG TÔI”

Cam kết

- Cung cấp cho khách hàng những sản phẩm có giá trị dinh dưỡng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, hình thức đẹp, hấp dẫn, tất cả vì sức khỏe và sự ưa thích của khách hàng;
- Không ngừng cải tiến công tác quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ để có được sản phẩm và dịch vụ tốt nhất với giá thành tốt nhất;
- Duy trì mối quan hệ cùng có lợi với các đại lý, nhà phân phối, nhà cung ứng và các đối tác kinh doanh khác;
- Tuân thủ các quy định của Nhà nước, đảm bảo các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm sản xuất tại Công ty;
- Có trách nhiệm với xã hội, đóng góp tích cực cho xã hội, bảo vệ môi trường vì chất lượng cuộc sống của cộng đồng.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Quá trình hình thành và phát triển:

Thành lập Công ty:

- Ngày 16/01/1999, Công ty Cổ Phần Bánh Kẹo Biên Hòa với thương hiệu Bibica được thành lập từ việc cổ phần hóa ba phân xưởng: Bánh, kẹo và mạch nha của Công ty Đường Biên Hòa;
- Vốn điều lệ 25 tỉ đồng;
- Mở rộng nâng công suất dây chuyền sản xuất kẹo mềm 11 tấn/ngày.

1999

Tăng vốn điều lệ, thành lập thêm nhà máy thứ 2 tại Hà Nội:

- **Năm 2000:**
 - Phát triển hệ thống phân phối theo mô hình mới. Thành lập các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ;
 - Đầu tư dây chuyền sản xuất bánh snack nguồn gốc Indonesia với công suất 2 tấn/ngày;
 - Công ty vinh dự là đơn vị đầu tiên trong ngành hàng bánh kẹo Việt Nam được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001 của tổ chức BVQI Anh Quốc.
- **Năm 2001:**
 - Tăng vốn điều lệ từ 25 tỉ đồng lên 35 tỷ đồng từ nguồn vốn tích lũy sau 2 năm hoạt động với pháp nhân Công ty Cổ Phần;
 - Tháng 7: Nâng vốn điều lệ lên 56 tỉ đồng;
 - Tháng 9: Đầu tư dây chuyền sản xuất bánh trung thu và cookies nhân công suất 2 tấn/ngày với tổng mức đầu tư 5 tỉ đồng;
 - Tháng 11: Công ty được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp phép niêm yết trên thị trường chứng khoán và chính thức giao dịch tại trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh từ đầu tháng 12/2001;
 - Cuối năm 2001, Công ty lắp đặt dây chuyền sản xuất bánh Bông Lan kem Hura cao cấp nguồn gốc Châu Âu, công suất 1,500 tấn/năm, với tổng mức đầu tư lên đến 19,7 tỷ đồng.
- **Năm 2002:**
 - Tháng 4: Thành lập Nhà máy Bánh Kẹo Biên Hoà II tại khu công nghiệp Sài Đồng B, Long Biên, Hà Nội;
 - Tháng 10: Đưa vào vận hành dây chuyền chocolate với công nghệ hiện đại của Anh Quốc. Sản phẩm Chocobella của Bibica nhanh chóng trở nên thân thiết với người tiêu dùng trong nước;
 - Cuối năm 2002: Công ty triển khai thực hiện dự án mở rộng dây chuyền Snack nâng công suất lên 4 tấn/ngày.
- **Năm 2004:**
 - Đầu tư vào hệ thống quản trị tổng thể doanh nghiệp ERP;
 - Hợp tác với Viện Dinh Dưỡng Việt Nam để phối hợp nghiên cứu sản xuất những sản phẩm dinh dưỡng, đáp ứng mong muốn sử dụng các sản phẩm tốt cho sức khỏe của người tiêu dùng;
 - Vào năm đầu năm 2005, với sự tư vấn của Viện Dinh Dưỡng Việt Nam, Công ty cho ra đời dòng sản phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ em, phụ nữ có thai và cho con bú, người ăn kiêng, người bị tiểu đường.

2000

2005

Mở rộng lĩnh vực sản xuất sản phẩm dinh dưỡng, đầu tư thêm nhà máy thứ 3 tại Bình Dương:

2006
2010

- **Năm 2006:**
 - xây dựng nhà máy mới trên diện tích 4 ha tại khu công nghiệp Mỹ Phước I, tỉnh Bình Dương. Giai đoạn 1 Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất bánh bông lan kem Hura cao cấp nguồn gốc châu Âu công suất 10 tấn/ngày;
- **Năm 2007:**
 - Công ty Cổ Phần Bánh Kẹo Biên Hòa chính thức đổi tên thành "Công Ty Cổ Phần Bibica" kể từ ngày 17/1/2007;
 - Tại Đại hội cổ đông bất thường ngày 22/9/2007, Công ty đã điều chỉnh và bổ sung kế hoạch phát hành 9,63 triệu cổ phần giai đoạn 2 trong tổng số 11,4 triệu cổ phần phát hành thêm trong năm 2007 của Công ty;
 - Ngày 4/10/2007, Lễ ký kết Hợp đồng Hợp tác chiến lược giữa Bibica và Lotte đã diễn ra, theo chương trình hợp tác, Bibica đã chuyển nhượng cho Lotte 30% tổng số cổ phần (khoảng 4,6 triệu cổ phần).
- **Năm 2008:**
 - Bibica đầu tư vào tòa nhà 443 Lý Thường Kiệt, TP.HCM. Địa điểm này trở thành trụ sở chính thức của Công ty từ đầu năm 2008;
 - Tháng 3/2008, Đại hội cổ đông thường niên của Bibica được tổ chức, lần đầu tiên có sự tham dự của cổ đông lớn Lotte.

Đại hội đã thông qua Ban lãnh đạo mới, trong đó:

 - Ông Dong Jin Park đại diện phần vốn Lotte giữ chức chủ tịch HĐQT.
 - Ông Trương Phú Chiến giữ vị trí phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Cty CP Bibica kể từ ngày 01/3/2008 đến nay.
- **Năm 2009:**
 - Tháng 03/2009, Đại hội cổ đông thường niên của Bibica được tổ chức, đại hội đã thông qua ban lãnh đạo mới, trong đó: Ông Jung Woo, Lee đại diện phần vốn Lotte giữ chức Chủ tịch HĐQT;
 - Tháng 04/2009, Công ty khởi công xây dựng dây chuyền sản xuất bánh Chocopie cao cấp tại Bibica Miền Đông, đây là dây chuyền được đầu tư trên cơ sở sự hợp tác của Bibica và đối tác chiến lược là Tập đoàn Lotte Hàn Quốc;
 - Tháng 10/2009, Công ty đã đầu tư xây dựng khu nhà tập thể cho CNV tại Bibica Miền Đông, tại KCN Mỹ Phước 1, Bến Cát, Bình Dương với số vốn đầu tư khoảng 5 tỉ đồng, đưa vào sử dụng trong tháng 03/2010;
 - Tháng 11/2009, Công ty mạnh dạn đầu tư và đưa vào sử dụng hệ thống văn phòng điện tử M-Office nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tiết giảm tối đa các chi phí về hành chính và văn phòng phẩm.
- **Năm 2010:**
 - Dây chuyền Chocopie chính thức đi vào hoạt động vào cuối tháng 02/2010;

2011
2017

Nâng cao hiệu quả quản trị Công ty:

- **Năm 2011:**
 - Cải tổ toàn diện hệ thống bán hàng, mở thêm nhà phân phối, tăng số lượng nhân sự bán hàng. Doanh số năm 2011 lần đầu tiên cán mức con số trên 1.000 tỉ.
- **Năm 2012:**
 - Đầu tư hệ thống quản lý bán hàng DMS và hoàn thiện hệ thống đánh giá cho lực lượng bán hàng và nhà phân phối;
 - Nâng cấp hệ thống quản trị tổng thể doanh nghiệp ERP lên phiên bản ERP R12 với kinh phí 4 tỉ đồng và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 12/2012.
- **Năm 2014:**
 - Đầu tư công cụ hỗ trợ bán hàng bằng thiết bị PDA, nhằm kiểm soát, thúc đẩy nhân viên viếng thăm cửa hàng trên tuyến và chuyển đơn hàng về Nhà phân phối tức thời;
 - Đầu tư hệ thống an toàn công nghệ thông tin đưa vào sử dụng từ tháng 9/2014 đảm bảo an toàn hoạt động hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin khi xảy sự cố mất điện, cháy nổ.
- **Năm 2015:**
 - Áp dụng thành công MFCA trong sản xuất, kiểm soát lãng phí trong sản xuất có hiệu quả và triệt để hơn.
- **Năm 2016:**
 - Lần đầu tiên cán mức doanh số trên 1.250 tỷ & tiếp tục được người tiêu dùng bình chọn hàng Việt Nam chất lượng cao 21 năm liền.
- **Năm 2017:**
 - Đưa dây chuyền sản xuất Kẹo cao cấp Hifat vào hoạt động, cho ra thị trường sản phẩm Kẹo sữa cao cấp AHHA;
 - Công ty đang triển khai các phần mềm hỗ trợ công tác quản lý doanh nghiệp: Điều độ sản xuất trên ERP, Báo cáo lãnh đạo BI và App bán hàng cho Shop key.

2. Ngành nghề kinh doanh

a. Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa.



Bánh	<ul style="list-style-type: none"> - Pie - Sponge - Biscuits
-------------	---

Kẹo	<ul style="list-style-type: none"> - Cứng - Mềm - Dẻo
------------	--

Dinh dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> - Cho Mẹ - Cho Bé - Cho người ăn kiêng
-------------------	--

Khác	<ul style="list-style-type: none"> - Bánh mì, Trung thu - Socola - Mạch nha
-------------	--

32

Nhãn hàng

b. Địa bàn:

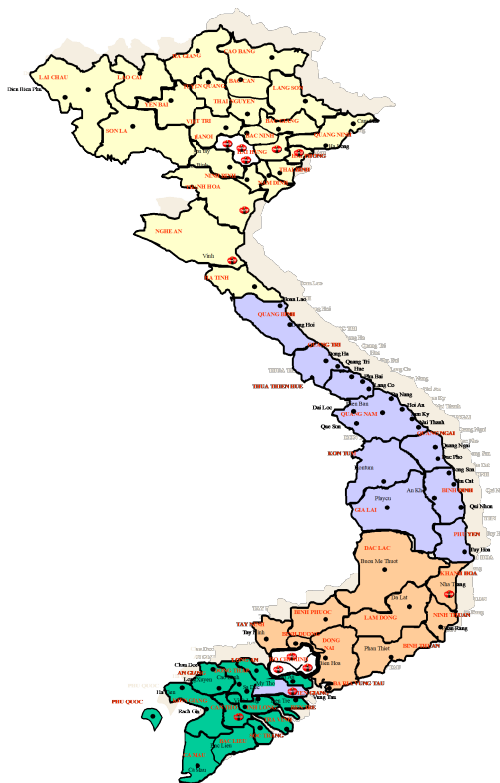
- Khôi sản xuất:

- **Trụ sở chính CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA**
443 Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh.
- **NHÀ MÁY BIBICA BIÊN HOÀ**
Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, phường An Bình, TP.Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.
- **CÔNG TY TNHH MTV BIBICA MIỀN ĐÔNG**
Lô J1 - CN, đường D1, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- **NHÀ MÁY BIBICA HÀ NỘI**
B18, đường Công Nghiệp 6, Khu Công Nghiệp Sài Đồng B, phường Sài Đồng, quận Long Biên, Hà Nội.

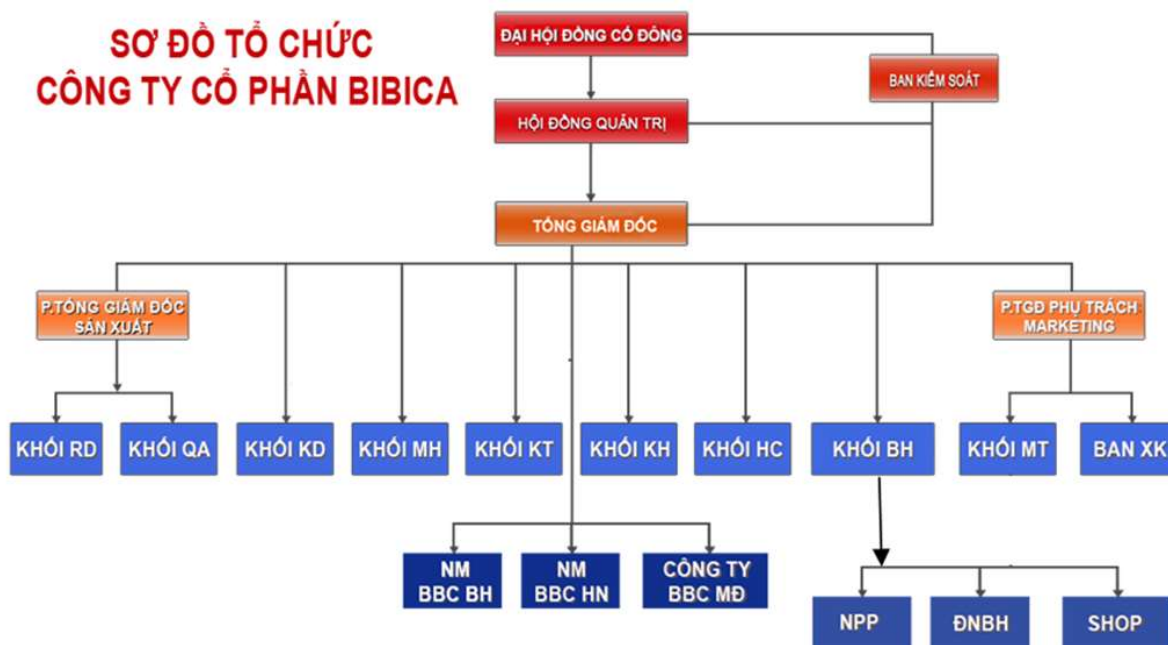


- **Hệ thống phân phối:**

- **Nhà phân phối:** Tính đến tháng 12/2017, Công ty có **120** nhà phân phối độc quyền, có mặt ở tất cả các tỉnh, thành trên toàn quốc;
- **Điểm bán lẻ:** Được phục vụ trực tiếp bởi nhà phân phối là hơn **120.000** điểm;
- **Siêu thị và Chuỗi cửa hàng tiện lợi:** Sản phẩm của Bibica có mặt ở hơn **1.500** siêu thị lớn nhỏ và cửa hàng tiện lợi trên toàn quốc;
- **Xuất khẩu:** Xuất khẩu đóng góp khoảng 7 % vào tổng doanh thu hợp nhất của Công ty. Tính đến cuối năm 2017, Bibica xuất khẩu đi hơn **16** quốc gia và vùng lãnh thổ.



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:





Ông: Jung Woo Lee

- Chủ tịch HĐQT
- Ngày sinh: 17/12/1955
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành văn học anh ngữ Trường Đại Học Sogang
- 1989 – 2005 : Nhân viên phòng kinh doanh quốc tế Cty Lotte Confectionery Co.,Ltd
- 2005 – 2009 : Phó Giám đốc phòng kinh doanh quốc tế Cty Lotte Confectionery Co.,Ltd
- 2009 – 2013 : Giám đốc phòng kinh doanh quốc tế Cty Lotte Confectionery Co.,Ltd
- 2008 – Nay : Chủ tịch HĐQT Công ty CP BIBICA.



Ông: Trương Phú Chiến

- Phó chủ tịch HĐQT
- Ngày sinh: 26/12/1964
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Công nghiệp
- 1997 – 1999: Trưởng phòng XNK Công ty Đường Biên Hòa
- 1999 - 2000: Trưởng phòng XNK Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hòa
- 2000 – 7/2003: Trưởng phòng Vật tư Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hòa
- 7/2003 – 3/2008: CTHĐQT Công ty Cổ phần Bibica
- 3/2008 – đến nay: Phó Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Cty Cổ Phần Bibica.



Ông: Nguyễn Khắc Hải

- Thành viên HĐQT
- Ngày sinh: 24/08/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD, Thạc sĩ Luật
- 2001 – 2004: Chuyên viên pháp lý cao cấp, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam;
- 2007 – 2010: Thành Viên Ban Dự Án thành lập Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn; Giám đốc luật và Quản lý rủi ro Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI
- 2010 – nay: Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI
- 2012 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Giống cây trồng Trung ương
- 2014 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông
- 2015 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP BIBICA.



Ông: Kim Jun Yeon

- Thành viên HĐQT
- Ngày sinh: 15/08/1967
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Sinh học phân tử Trường Đại học Busan
- 1994 – 2000: Quản lý phòng pháp chế Lotte Confectionery Co.,Ltd
- 2000 – 2007: Quản lý phòng chiến lược nước ngoài Lotte Confectionery Co.,Ltd
- 2007 – 2012: Trợ lý quản lý R-TFT Lotte Confectionery Co.,Ltd tại Nga
- 2012 – 2015: Trưởng phòng chiến lược toàn cầu Lotte Confectionery Co.,Ltd
- 2016 – Nay : Phó Giám đốc phòng Kinh doanh toàn cầu Lotte Confectionery Co.,Ltd
- 2016 – Nay : Thành viên HĐQT Công ty CP BIBICA.



Ông: Võ Ngọc Thành

- Thành viên HĐQT
- Ngày sinh: 02/11/1961
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân Châu Á học và quản trị tiếp thị đại học Adamson, Manila, Philippines
- 1985 – 1988: Phó Phòng Kế hoạch - Xí nghiệp vật tư – Công ty Bông Trung Ương
- 1989 -1985: Trưởng văn phòng đại diện Công ty IMEX PAN PACIFIC – IPP tại Việt Nam
- 1996 -2015: Chủ tịch HĐQT – TGD công ty Cổ phần đầu tư An Phong – Hệ thống Maximark
- 2016 đến nay: Chủ tịch HĐQT – Công ty thời trang M.Y.M.

4. Định hướng phát triển: Công ty đã thống nhất các mục tiêu chủ yếu như sau:

a. Mục tiêu:

- Đến năm 2022 trở thành Công ty bánh kẹo hàng đầu Việt Nam;
- Doanh số từ năm 2017 – 2022 tăng trưởng bình quân 20%/năm;
- Tập trung hệ thống phân phối vào các thành phố lớn: HCM, Hà Nội chiếm 30% doanh số Miền.



b. Chiến lược trung và dài hạn:

- Đầu tư mở rộng sản xuất tại Long An và Công ty TNHH 1 TV Bibica Miền Bắc;
- Phát triển dòng bánh kẹo chất lượng cao và dòng sản phẩm dinh dưỡng;
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên, tươi, có lợi cho sức khỏe;
- Phát triển kênh bán hàng Online cho Cửa hàng bán lẻ và Người tiêu dùng.

c. Phát triển bền vững:

- Xây dựng chính sách phát triển bền vững đảm bảo hài hòa các lợi ích của Cổ đông, các đối tác, Công nhân viên và Người tiêu dùng. Đi kèm với việc đảm bảo một môi trường làm việc với độ thỏa mãn ở mức cao;

- Cam kết đảm bảo các khoản đóng góp đối với Chính phủ và Cộng đồng như: Thuế, các nghĩa vụ và các khoản đóng góp xã hội khác. Công ty luôn luôn đảm bảo việc phát triển kinh doanh gắn liền với việc đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.



Eastern Bibica factory in Binh Duong province

5. Các rủi ro

a. Rủi ro chiến lược:

- Là các rủi ro được quản lý nhằm đảm bảo Công ty xây dựng được các chiến lược, kế hoạch kinh doanh phù hợp, xây dựng và phân bổ nguồn lực hợp lý và thích ứng kịp thời với những thay đổi trong môi trường kinh doanh;

b. Rủi ro hoạt động:

- Là các rủi ro liên quan đến việc xảy ra các thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp do việc thiếu các quy trình, con người, hệ thống hoạt động hiệu quả và/hoặc các sự kiện tác động từ bên ngoài, gây tác động đến việc thực thi các kế hoạch kinh doanh;
- Công ty triển khai đánh giá hệ thống chất lượng nội bộ tần suất 2 tháng/lần nhằm đảm bảo các hoạt động đang được tuân thủ các quy trình thủ tục đã biên soạn;
- Hợp phân tích đánh giá định kỳ 1 tháng/lần cho các hoạt động trọng yếu.

c. Rủi ro tài chính:

- Là rủi ro liên quan đến các thiệt hại, tổn thất về tài chính, khả năng thanh toán các khoản nợ, quản lý tài sản;
- Xem chi tiết tại mục III.2 tình hình tài chính.

d. Rủi ro tuân thủ:

- Là rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định pháp luật và các cam kết, chế định khác;
- Công ty có Bộ phận Pháp chế thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật và ký hợp đồng tư vấn luật để đảm bảo các hoạt động, các hợp đồng kinh tế luôn tuân thủ pháp luật.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Kết quả thực hiện chỉ tiêu doanh số lợi nhuận:

Stt	Khoản mục	Doanh thu (Tỷ đồng)			So sánh	
		2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	2016	Kế hoạch 2017
1	Doanh thu thuần	1.263,43	1400,00	1.289,89	102,09%	92,14%
2	Lợi nhuận trước thuế	97,01	104,30	118,33	121,98%	113,45%
3	Lợi nhuận sau thuế	81,28	86,60	97,33	119,75%	112,39%

b. Các hoạt động chính trong năm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh:

- Nghiên cứu cải tiến mẫu mã bao bì, chất lượng sản phẩm Hura: Đơn giản hóa các phụ gia trong sản phẩm, thay thế phụ gia vô cơ bằng hữu cơ;
- Cho ra đời dòng sản phẩm mới aHHA với chất lượng vượt trội, có hàm lượng sữa cao 12% Protein chạy trên dây chuyền mới đầu tư Hi-Fat;
- Phân cấp, bảo mật, cam kết chất lượng với người tiêu dùng bằng giải pháp mã hóa công thức phối liệu;
- Nâng cấp dây chuyền bánh mì tại Nhà Máy Hà Nội có thể sản xuất năm chủng loại sản phẩm;
- Tiếp tục hợp lý hóa sản xuất các chuyền, tăng năng suất lao động lên 12% so với cùng kỳ;
- Tăng năng suất dây chuyền kẹo dẻo từ 120 tấn lên 165 tấn/tháng, đáp ứng nhu cầu thị trường;
- Triển khai thành công giải pháp Shop key Bibica, 10.000 Shop chiếm 49% doanh số kênh GT;
- Phát triển hệ thống bán hàng: Tách đội bán Sĩ/Lẻ tại Hồ Chí Minh và Hà Nội; Tách đội bán hàng Bánh, đội báo hàng Kẹo tại các tỉnh còn lại;
- Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý: Triển khai xử lý đơn hàng và điều độ sản xuất triển ERP, Giải pháp App Shopkey, Báo cáo thông minh BOBJ

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm công tác
1.	Ông Trương Phú Chiến	1964	Tổng Giám đốc Công ty	Cử nhân Kinh tế	30 năm
2.	Ông Phan Văn Thiện	1965	Phó TGD Phụ trách Marketing	Kỹ sư Nhiệt Cử nhân QTKD	26 năm
3.	Ông Nguyễn Trọng Kha	1972	Phó TGD SX, kiêm Giám đốc Khối NCPT	Kỹ sư Hóa TP	21 năm
4.	Mr You Jai Hyung	1977	Giám đốc Tài chính	Cử nhân	14 năm
5.	Ông Trần Đức Tuyền	1968	Giám đốc Khối KH&DV	Cử nhân kinh tế	21 năm
6.	Ông Nguyễn Công Thành	1975	Giám đốc Khối HCNS	Cử nhân QTKD, Kỹ sư BHLĐ	18 năm
7.	Ông Trương Phú Cường	1977	Giám đốc Khối Bán hàng	Cử nhân QTKD	17 năm
8.	Ông Lê Xuân Dũng	1966	Giám đốc Khối KT&ĐT	Kỹ sư Cơ khí Cử nhân QTKD	23 năm
9.	Ông Trần Ngọc Vũ Huy	1970	Giám Đốc Khối MH	Kỹ sư Hóa TP	22 năm
10.	Ông Vũ Văn Thức	1978	Phó Giám đốc Khối TCKT	Cử nhân TCKT	17 năm
11.	Ông Lưu Anh Vũ	1985	Giám đốc Khối QA	Kỹ sư Hóa TP	10 năm
12.	Ông Nguyễn Văn Bình	1962	GĐ NM Bibica Biên Hòa	Kỹ sư Cơ khí	29 năm
13.	Ông Phạm Huy Trung	1979	GĐ Cty Bibica Miền Đông	Kỹ sư Hóa TP	16 năm
14.	Ông Vũ Văn Tuyên	1978	Giám đốc NM Bibica Hà Nội	Kỹ sư Hóa TP	16 năm

b. Tình hình thay đổi nhân sự trong ban điều hành:

- **Bổ nhiệm nhân sự mới:**
- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Trọng Kha – Giám đốc Khối R&D, đảm nhận chức vụ Phó Tổng Giám Đốc Sản xuất, kể từ ngày 01/08/2017.

c. Số lượng lao động, thu nhập bình quân năm 2017 (bao gồm cả lực lượng bán hàng):

Các chỉ tiêu chính	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Lao động bình quân năm	1.707	1.689	1.674	1.737	1.668
Quỹ lương, thưởng (tỷ đồng)	127,62	155,61	194,91	215,98	216,71
(BQ thu nhập/người/tháng)	7.217.787	8.504.365	9.702.807	9.965.737	10.750.143
- Trong đó lương	6.147.246	6.842.372	6.848.460	7.867.679	7.836.894
- Thưởng và các thu nhập khác	1.124.541	1.661.272	2.854.347	2.098.058	2.913.249

d. Cơ cấu lao động theo trình độ và tính chất công việc (Tính đến tháng 12/2017):

Phân loại	Số người	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ:	1.668	
Trên đại học	2	0,12%
Đại học	248	14,87%
Cao đẳng	203	12,17%
Trung cấp, CNKT lành nghề	426	25,54%
Lao động phổ thông	789	47,30%
Theo tính chất công việc:	1.668	
Lao động gián tiếp	175	10,5%
Lao động phục vụ sản xuất	184	11,0%
Lao động trực tiếp sản xuất	585	35,1%
Lao động lực lượng bán hàng toàn quốc (chưa bao gồm lao động thử việc)	726	43,5%

e. Chính sách lương, thưởng đối với người lao động:

- Trong năm 2017: Công ty tiếp tục áp dụng chính sách lương gắn với hiệu quả công việc.
 - Đối với Quản trị viên (QTV) và nhân viên gián tiếp và phục vụ áp dụng trả lương theo hiệu quả công việc (KPI). Trong đó QTV KPI chiếm 40%, nhân viên KPI chiếm 20%. Các chỉ tiêu KPI gắn với hiệu quả hoạt động của Công ty gồm 3 nhóm như sau: Nhóm chỉ tiêu KPI liên quan đến các chỉ tiêu chung của Công ty gồm Doanh số, lợi nhuận, giá vốn sản xuất; Nhóm chỉ tiêu KPI công việc liên quan đến công việc cụ thể của từng cá nhân; Nhóm KPI công việc do trưởng đơn vị giao trực tiếp;
 - Đối với công nhân viên trực tiếp sản xuất từ cấp trưởng ca sản xuất trở xuống áp dụng chính sách lương theo đơn giá sản phẩm. Lương sản phẩm sẽ được tính theo chuyên/ phân xưởng trên cơ sở sản lượng sản xuất trong tháng và đơn giá sản phẩm công ty đã ban hành;
 - Đối với nhân sự bậc xếp hàng hóa, vật tư tại các NM/Cty thành viên, áp dụng chính sách lương theo đơn giá bậc xếp. Lương bậc xếp tính trên cơ sở khối lượng bậc dỡ và đơn giá bậc xếp Công ty đã ban hành.
- Công ty đã ban hành chính sách tiền lương, tiền thưởng 2017 ngày 10/03/2017. Trong đó quy định chi tiết các chính sách về tiền lương, tiền thưởng, nghỉ phép và các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.



3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án và nghị quyết:

a. Các hạng mục đầu tư 2017:

- Dự án kéo mềm Hifat đã đưa vào hoạt động khai thác với công suất thiết kế là 18 tấn/ ngày. BDA hoàn tất trình quyết toán đến HĐQT:
 - Tổng giá trị đầu tư trình HĐQT ngày 07/02/2017 là 81.435.111.373 đồng;
 - Tổng giá trị quyết toán là 80.798.413.627 đồng.
- Dự án nâng cấp Dây chuyền Bánh Mỳ - Bánh bông lan tại Hà Nội: Đã đưa vào hoạt động với công suất thiết kế 4 tấn/ ngày(gồm 2 tấn Bánh Mỳ và 2 tấn bánh bông lan). BDA đã hoàn tất trình quyết toán đến Tổng Giám đốc và HĐQT.
 - Tổng giá trị đầu tư (NQ 001379/2017 ngày 05/04/2017) của HĐQT: 7.196.149.600đ;
 - Tổng giá trị quyết toán là 5.424.238.742 đồng.
- Nâng công suất kéo dẻo lên 165 tấn/ tháng: Đây là dự án bổ sung năm 2017 do nhu cầu tiêu thụ kẹo dẻo tăng cao. Tổng giá trị đầu tư là : 1.112.290.500 đồng. Hiện đã đưa vào khai thác từ tháng 10/2017
- **Bảng tổng hợp giá trị quyết toán đầu tư năm 2017:**

STT	HẠNG MỤC	Địa điểm đầu tư	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện thực tế 2017
I	Dự án cũ đã làm năm 2016 và chuyển qua 2017		64.163.400.000	68.016.915.698
1	Dự án kéo mềm Hifat	NMBH	64.163.400.000	68.016.915.698
II	Dự án mới năm 2017			
1	Dự án Dây chuyền bánh		126.361.650.000	736.900.000
2	Dự án nâng cấp DC bánh mỳ NMHN	NM Hà Nội	7.196.149.600	5.424.238.742
3	Dự án nâng cấp DC Bánh quy – cookies.	NMBH	5.998.700.000	404.000.000
4	Dự án cải tạo nâng cấp hệ thống PCCC NMBH	NMBH	2.897.700.000	0
5	Dự án nâng cấp phần mềm ứng dụng và phân hệ báo cáo thông minh	TCTY	2.111.700.000	921.880.501
Hạng mục đầu tư thiết bị lẻ 2017			8.420.000.000	6.878.563.200
1	NM BIBICA BIÊN HÒA		6.186.000.000	2.094.200.000
2	NM BIBICA MIỀN ĐÔNG		708.000.000	1.308.249.000
3	NM BIBICA HÀ NỘI		76.000.000	1.080.623.500
4	VĂN PHÒNG		1.450.000.000	2.395.490.700
Tổng			217.149.030.000	81.978.498.141
III	Dự án mới phát sinh trong năm 2017	NMBH	947.000.000	1.112.290.500
	Dự án nâng cấp công suất kẹo dẻo lên 165 tấn/ tháng	NMBH	947.000.000	1.112.290.500
Tổng cộng			218.096.030.000	83.090.788.641

b. Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017:

Theo nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2017, HĐQT đã triển khai thực hiện:

- Điều 01: Thông quan báo cáo HĐQT & TGD năm 2016;
- Điều 02: Thông qua báo tài chính năm 2016 (Đã kiểm toán);
- Điều 03: Thực hiện Phân phối lợi nhuận năm 2016 theo đúng nội dung NQ ĐHCĐ TN năm 2016;
- Điều 04: Thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017: Kết quả thực hiện tại Khoản 01 Mục III. Phân phối lợi nhuận năm 2017: Sẽ trình tại ĐHCĐ TN năm 2018;
- Điều 05: Thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2017: Kết quả thực hiện tại Khoản 03 Mục II;
- Điều 06: Chọn công ty kiểm toán TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM, là đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Bibica;
- Điều 07: Thực hiện chi thù lao Hội đồng quản trị theo mức 15.000.000 đồng/tháng/thành viên;
- Điều 08: Thực hiện chi Thù lao Ban kiểm soát theo mức 21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng/tháng/03 thành viên;
- Điều 10: Thực hiện Thương HĐQT, BKS, Ban điều hành: Thực hiện theo NQ ĐHCĐ TN 2017 và Báo cáo Tổng Giám Đốc trình HĐQT tại cuộc họp ngày 29/03/2018.

4. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.041.148.060.916	1.119.459.018.138	7,52%
Doanh thu thuần	1.263.432.638.244	1.289.892.987.833	2,09%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	104.703.583.659	118.069.752.188	12,77%
Lợi nhuận khác	(7.685.727.242)	260.308.934	103,39%
Lợi nhuận trước thuế	97.017.856.417	118.330.061.122	21,97%
Lợi nhuận sau thuế	81.281.272.751	97.328.976.816	19,74%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.878	5.996	22,92%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
I	<u>Khả năng sinh lời</u>			
1	Hệ số lợi nhuận trên doanh số thuần	%	6,43%	7,55%
2	Hệ số lợi nhuận trên vốn cổ phần	%	52,71%	63,12%
3	Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản	%	7,81%	8,69%
II	<u>Khả năng thanh toán</u>			
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,95	2,93
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,55	2,52
III	<u>Hiệu quả hoạt động</u>			
	Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	26,19	32,20
	Vòng quay khoản phải thu	Lần	12,96	10,30
	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	8,11	8,40
	Vòng quay tài sản cố định	Lần	6,12	5,11
	Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,21	1,15
IV	<u>Cơ cấu vốn</u>			
	Hệ số nợ trên tổng tài sản	%	27,69%	26,80%
	Hệ số nợ trên vốn cổ phần	%	186,95%	194,55%
	Hệ số nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu	%	2,75%	2,55%
	Khả năng thanh toán lãi vay	Lần		
V	<u>Chứng khoán</u>			
1	Cổ phiếu đang lưu hành	CP	15.420.782	15.420.782
	Trong đó :			
	- Cổ phiếu thường	CP	15.420.782	15.420.782
	- Cổ phiếu ưu đãi	CP		
	- Cổ phiếu ...	CP		
2	Trái phiếu đang lưu hành	TP		
	Trong đó :			
3	Thư giá (BPS : Book Value Per Share)	Đồng	29.631	29.631
4	Thị giá (MPS : Market Price Per Share)	Đồng	93.300	89.000
5	Lợi nhuận trên vốn cổ phần (ROE)	%	10,80	11,88
6	Thu nhập trên cổ phần (EPS:Earning Per Share)	Đồng	4.878	5.996
7	Chỉ số P/E		19,13	14,84
8	Cổ tức được chia (DPS : Divident Per Share)		12%	Tạm ứng đợt 1: 10%
VI	Những thay đổi về vốn cổ đông			
1	Vốn điều lệ :	Đồng		
	- Đầu năm	Đồng	154.207.820.000	154.207.820.000
	- Cuối năm	Đồng	154.207.820.000	154.207.820.000
2	Vốn thặng dư :	Đồng		
	- Đầu năm	Đồng	302.726.583.351	302.726.583.351
	- Cuối năm	Đồng	302.726.583.351	302.726.583.351

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- a. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT năm 2017: tính đến ngày 31/12/2017:**

Stt	Họ và tên	16/01/13	16/12/13	31/12/14	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
1	Jung Woo.Lee	0	0	0	0	0	0
2	Trương Phú Chiến	118.075	118.075	118.075	118.075	118.075	2000
3	Võ Ngọc Thành	302.500	302.500	302.500	302.500	302.500	2.500
4	Kim Jun Yeon	0	0	0	0	0	0
5	Nguyễn Khắc Hải	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		420.575	420.575	420.575	420.575	420.575	4.500

- b. Cơ cấu cổ đông: Danh sách cổ đông chốt ngày 22/09/2017:**

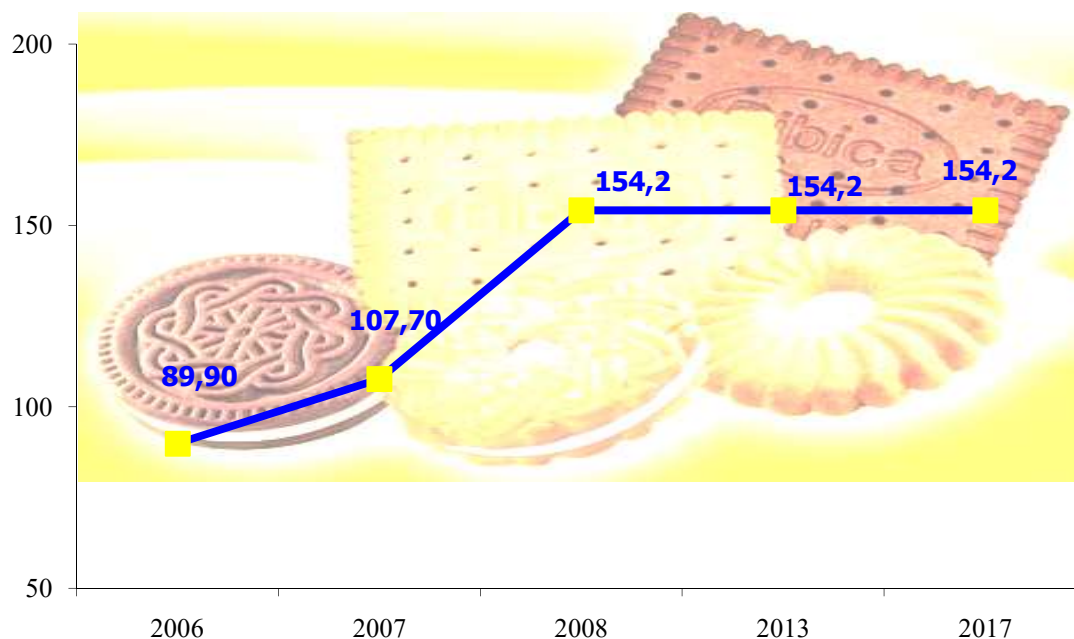
Tổng số CP	Cá nhân		Tổ chức		Tổng Số lượng		Tổng số CP	Tỷ lệ (%)
	Chưa lưu ký	Đã lưu ký	Chưa lưu ký	Đã lưu ký	Chưa lưu ký	Đã lưu ký		
Trong nước	15.835	257.998	0	7.724.716	15.835	7.982.704	7.998.539	51,87
Nước ngoài	0	360.015	4.650.000	2.412.228	4.650.000	2.772.243	7.422.243	48,13
Cộng							15.420.782	100,00

- c. Tình hình giao dịch liên quan của các cổ đông lớn: Danh sách cổ đông chốt ngày 22/09/2017:**

Stt	Họ và tên	Số lượng cổ đông nắm giữ	Tỷ lệ	Cập nhật đến ngày
1	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM PAN	7.720.577	50,1%	22/09/2017
2	LOTTE CONFECTIONERY CO., LTD.	6.789.730	44,0%	22/09/2017
3	POLUNIN DISCOVERY FUNDS-FRONTIER MARKETS FUND	224.620	1,5%	22/09/2017
4	Kim Heung Soo	181.322	1,2%	22/09/2017
5	Nguyễn Thị Giáng Hương	25.000	0,2%	22/09/2017
6	Nguyễn Thị Kim Liên	20.000	0,1%	22/09/2017
7	Võ Ngọc Thành	2.500	0,02%	22/09/2017
8	Trương Phú Chiến	2.000	0,01%	22/09/2017
	Cộng			

Tổng số cổ phần phổ thông: 15.420.782 cổ phần.

- d. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Từ 2008 đến nay không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tỷ đồng)



6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về ngành Bánh Kẹo. Bibica nhận thức rõ tầm ảnh hưởng của mình đến cộng đồng và sự phát triển bền vững của xã hội. Bibica thấu hiểu sự thành công của một doanh nghiệp sẽ không chỉ đơn giản là những con số về doanh thu, lợi nhuận mà còn là những giá trị vượt trội và lâu dài mà Bibica xây dựng và mang đến cho mọi người.



Định hướng phát triển bền vững của Bibica tập trung vào các nội dung sau:

- a. **Trách nhiệm với sản phẩm – người tiêu dùng:** Sản xuất và cung cấp cho thị trường những sản phẩm có giá trị dinh dưỡng, giá cả hợp lý và an toàn vệ sinh thực phẩm với hệ thống quản lý ISO 22000. Kết hợp với viện dinh dưỡng quốc gia cho ra thị trường những dòng sản phẩm cho người ăn kiêng, người bị tiểu đường. Không ngừng đầu tư, cải tiến công nghệ sản xuất bánh kẹo mới nhất như kẹo mềm Hi-fat, dự án bánh Cracker, Bánh mỳ tươi nhằm cung cấp cho thị trường những sản phẩm chất lượng;

b. Trách nhiệm với người lao động: Đối với công nhân viên, Công ty luôn đảm bảo các chế độ chính sách về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

c. Trách nhiệm với môi trường:

Bibica luôn chú trọng và quan tâm đến những tác động có thể ảnh hưởng môi trường sống của Cộng đồng, do đó trong năm 2017 đã có nhiều sáng kiến, cải tiến như cải tiến từ lò đốt dầu sang lò đốt gas (giảm chi phí nhiên liệu 115 triệu VNĐ/năm và lượng khí thải ra môi



trường giảm đáng kể); tận dụng nguồn nước ngưng tụ (mức tận dụng đến 19,6% lượng nước sử dụng) tái sử dụng lại góp phần gìn giữ nguồn tài nguyên nước (tiết kiệm cho Công ty 280 triệu VNĐ/năm); dùng túi tự hủy và túi vải không dệt để góp phần bảo vệ môi trường sống cộng đồng.

d. Trách nhiệm với xã hội:



Bibica có nhiều hoạt động hướng đến cộng đồng, xã hội như Chương trình tiếp sức đến trường (tài trợ 170 triệu VNĐ/năm); Khám phá thế giới bánh kẹo (là nơi để học sinh, sinh viên trao đổi kiến thức, trải nghiệm thực tế,...mức chi 230 triệu VNĐ/năm); Trao học bổng hàng năm cho học sinh, sinh viên học giỏi, sống tốt, có hoàn cảnh khó khăn (hơn 50 triệu VNĐ/năm); Tài trợ vật chất cho trường học như bàn ghế; máy tính hơn 100 triệu VNĐ/năm; Chăm lo đời sống, chia sẻ khó khăn với cộng đồng, xã hội ,.... hơn 02 tỷ VNĐ/năm.

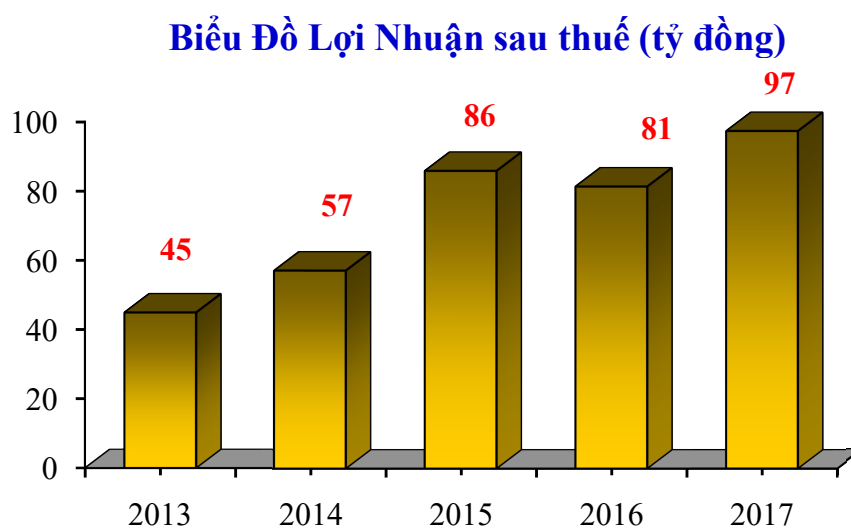
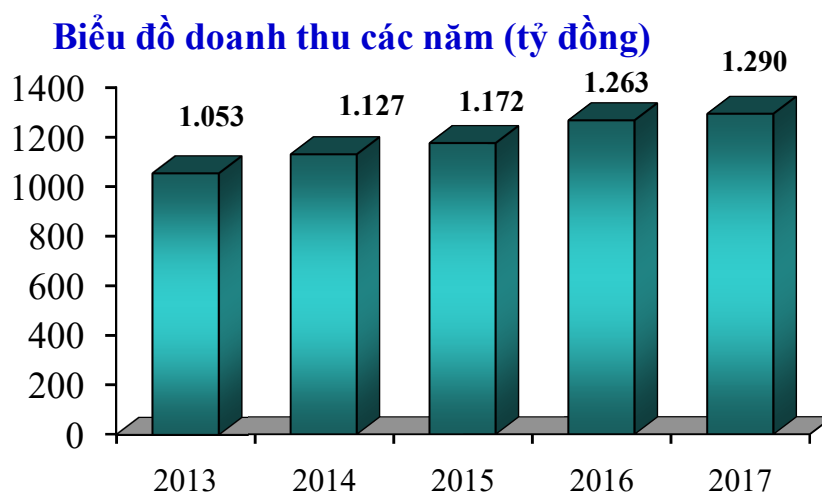
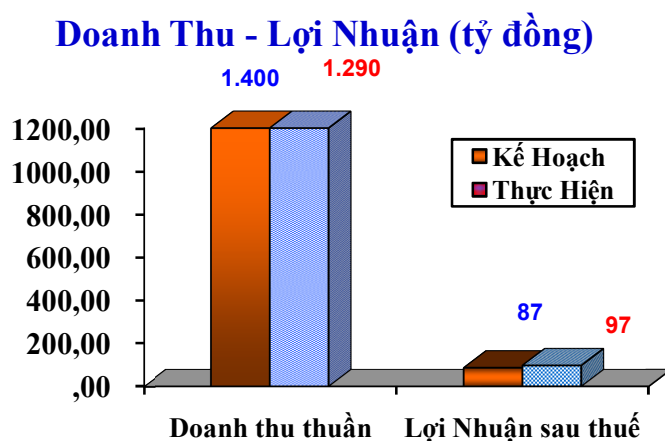
III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm 2017, thị trường bánh kẹo Việt Nam chịu sự cạnh tranh khốc liệt hơn, khi các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam gia tăng các hoạt động quảng cáo, Nhà nước bỏ thuế nhập khẩu bánh kẹo từ các nướ Asian do hiệp định FTA, giá một số nguyên liệu đầu vào như đường sữa, chất béo tăng so với cùng kỳ
- Kết quả kinh doanh: Doanh số đạt 1.289,9 tỷ đạt 92,1% kế hoạch, tăng trưởng so với năm trước 2,1%. Riêng lợi nhuận đạt 118,3 tỷ vượt chỉ tiêu đề ra 13,4%

CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	%Tăng/ giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.406.000.000.000	1.299.388.457.752	-7,58%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	6.000.000.000	9.495.469.919	58,26%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.400.000.000.000	1.289.892.987.833	-7,86%
4. Giá vốn hàng bán	918.400.000.000	880.639.525.129	-4,11%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	481.600.000.000	409.253.462.704	-15,02%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13.000.000.000	23.729.344.593	82,53%
7. Chi phí tài chính <i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		1.461.461.285	
8. Chi phí bán hàng	311.200.000.000	242.232.171.010	-22,16%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	80.100.000.000	71.219.422.814	-11,09%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	103.300.000.000	118.069.752.188	14,30%
11. Thu nhập khác	1.000.000.000	3.344.477.004	234,45%
12. Chi phí khác		3.084.168.070	
13. Lợi nhuận khác	1.000.000.000	260.308.934	-73,97%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	104.300.000.000	118.330.061.122	13,45%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.700.000.000	21.349.049.991	20,62%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(347.965.685)	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	86.600.000.000	97.328.976.816	12,39%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.616	5.996	6,77%

Biểu đồ thực hiện chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận:



2. Tình hình tài chính:

Nợ phải trả tài chính

- Công ty có chịu ảnh hưởng rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của rủi ro tài chính tại công ty là không đáng kể;

Rủi ro lãi suất

- Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị;
- Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình;

Rủi ro ngoại tệ

- Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với rủi ro ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể vì Công ty có nguồn ngoại tệ thu được từ hoạt động xuất khẩu;

Rủi ro về giá cổ phiếu

- Các cổ phiếu đã niêm yết Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu;

Rủi ro về giá hàng hóa

- Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty có lập kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu chính, có giá thường xuyên biến động để giảm thiểu tối đa mức độ ảnh hưởng của biến động giá;

Rủi ro tín dụng

- Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (chủ yếu là tiền gửi ngân hàng);

Tiền gửi ngân hàng

- Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam : Ngân hàng Đầu tư & Phát triển, Ngân hàng TMCP Ngoại thương. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp;

Phải thu khách hàng

- Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng hàng năm. Công ty cấp hạn mức công nợ cho khách hàng dựa trên giá trị tiền ký quỹ của Khách hàng tại Công ty và Giá trị Bảo lãnh thanh toán của ngân hàng mà Công ty là người thụ hưởng;

Rủi ro thanh khoản

- Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản phải trả đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các nhà cung cấp hiện tại.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tách đội bán hàng chuyên bán, chuyên kẹo nhằm gia tăng năng lực bán hàng;
- Đơn giản hóa các phụ gia trong sản phẩm, thay thế dần phụ gia vô cơ bằng hữu cơ;
- Ứng dụng công nghệ thông tin mới trong quản lý, kinh doanh với các giải pháp: Xử lý đơn hàng & điều độ sản xuất trên ERP, App shop key, Báo cáo thông minh BOBJ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Năm 2018 dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam ổn định ở mức 6.8%;
- Thị trường bánh kẹo tiếp tục chịu cạnh tranh ngày càng khốc liệt với nhiều sản phẩm đến từ các nước trong khu vực do việc bỏ thuế nhập khẩu các nước Asian trong hiệp định FTA;
- Giá xăng dầu, tinh bột sắn dự báo sẽ tăng trở lại làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất;

Với các yếu tố trên, kế hoạch của Công ty cho năm 2018 như sau:

- **Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:**

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	% tăng trưởng
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.289.892.987.833	1.500.000.000.000	116,3%
4. Giá vốn hàng bán	880.639.525.129	1.026.831.285.946	116,6%
8. Chi phí bán hàng	242.232.171.010	292.454.400.000	120,7%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	71.219.422.814	80.910.083.073	113,6%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	118.330.061.122	121.873.013.014	103,0%
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	97.328.976.816	98.717.140.541	101,4%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.996	6.082	101,4%

- Kế hoạch đầu tư 2018:

STT	HẠNG MỤC	DỰ TOÁN	GHI CHÚ
A	Dự án Bibica - Long an	365.975.751.907	
B	Dự án nâng cấp phần mềm ứng dụng và phân hệ báo cáo thông minh	1.624.916.420	
C	Nâng cấp dây chuyền kẹo	10.892.000.000	
D	Thiết bị lẻ	24.524.085.000	
1	NMBH	18.470.085.000	
2	NMHM	1.009.000.000	
3	NMMĐ	4.920.000.000	
4	Văn phòng	125.000.000	
	Tổng cộng	403.016.753.327	

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có vấn đề cần giải trình.



6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Công ty luôn cam kết với các bên liên quan:

**NGƯỜI
TIÊU DÙNG**

Đối với người tiêu dùng Bibica xác định “ khách hàng là trọng tâm trong mọi hoạt động của chúng tôi” thể hiện trong chính sách An toàn vệ sinh thực phẩm của công ty.

CỔ ĐÔNG

Đảm bảo cho các cổ đông một khoản đầu tư an toàn, sinh lợi một cách bền vững

NHÀ NƯỚC

Tuân thủ chính sách, qui định của nhà nước về các lĩnh vực thuế, người lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường...

ĐỐI TÁC

Hợp tác phát triển trên cơ sở cùng có lợi, minh bạch và có trách nhiệm với xã hội.

NHÂN VIÊN

Mang đến sự thỏa mãn, hài lòng của nhân viên về môi trường làm việc, an toàn , phát triển bản thân và thu nhập cạnh tranh.

CỘNG ĐỒNG

Có trách nhiệm, chia sẻ và phát triển cộng đồng.

Với cam kết đó trong năm 2017, Bibica tiếp tục hợp tác phát triển và không ngừng nâng cao giá trị mang lại cho các bên liên quan trong định hướng phát triển bền vững và thực thi sứ mệnh của mình.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

a. Kết quả kinh doanh:

- Doanh số đạt 1.289,9 tỷ đạt 92,1% kế hoạch, tăng trưởng so với năm trước 2,1%;
- Lợi nhuận đạt 118,3 tỷ vượt chỉ tiêu đề ra 13,4%

b. Về sản phẩm:

- Thay đổi mẫu mã bao bì Hura, cải tiến chất lượng Hura theo hướng giảm phụ gia, tăng hàm lượng trứng trong bánh;
- Phát triển dòng sản phẩm mới Mini pie với nhãn hiệu Orienko nhằm khai thác công suất dây chuyền;
- Phát triển dòng sản phẩm cao cấp Goody Classic, Goody dừa sử dụng các loại quả hạt tự nhiên;

c. Về sản xuất:

- Kịp thời nâng công suất dây chuyền kẹo dẻo từ 140 tấn lên 165 tấn / tháng đáp ứng nhu cầu thị trường;
- Đưa dây chuyền mới Hi-fat vào hoạt động, cho ra dòng sản phẩm aHHA với hàm lượng sữa cao, lên đến 12%;

d. Hoạt động xã hội: Công ty tiếp tục có nhiều hoạt động xã hội hướng tới cộng đồng: hiến máu nhân đạo, chăm sóc các mẹ Việt Nam anh hùng, xây sửa trường và trợ giúp học sinh nghèo vượt khó...

e. Một số hạn chế:

- Các hoạt động marketing còn hạn chế chưa mang lại hiệu ứng cao đối với NTD;
- Công ty chưa xây dựng được sản phẩm dẫn, số lượng SKU còn nhiều dàn trải;
- Biến động nhân sự trong hệ thống bán hàng còn cao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- a.** Ban Tổng giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện tốt các nội dung theo Nghị quyết ĐHCĐ và của HĐQT trong năm. Có nhiều giải pháp quản lý sâu sát hoạt động của từng bộ phận, nhà máy thành viên. Dự báo và kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu vào;
- b.** Quan tâm cải thiện môi trường làm việc và thu nhập của người lao động, nâng cao phúc lợi, nghỉ mát, sinh hoạt và vận động mọi người tham gia tích cực công tác xã hội;
- c.** Tuân thủ các quy định của pháp luật và quy chế nội bộ;
- d.** Tuy nhiên trong thời gian tới cần quan tâm đầu tư nhiều hơn cho lĩnh vực nghiên cứu phát triển và Marketing để tạo bước đột phá mới cho Công ty. Cần có chính sách đào tạo, phát triển, giữ nguồn nhân lực trọng yếu cho Công ty trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- a.** Đến năm 2022 trở thành Công ty bánh kẹo hàng đầu Việt Nam;
- b.** Đầu tư mở rộng sản xuất tại Nhà máy Long An và Nhà máy Bibica tại Hưng Yên. Để đạt mục tiêu tăng trưởng bình quân đến 2022 là 20%/năm;
- c.** Phát triển dòng bánh kẹo chất lượng cao và dòng sản phẩm dinh dưỡng sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên, tươi, có lợi cho sức khỏe;
- d.** Tập trung khai thác thị trường tại các thành phố lớn HCM, HN và Kênh MT.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu CP/CK khác	Chức danh	Ghi chú
1	Jung Woo Lee	0%	Chủ tịch	
2	Trương Phú Chiến	0,01%	Phó Chủ tịch	Kiểm Tổng Giám Đốc từ 01/03/2008
3	Võ Ngọc Thành	0,02%	Thành viên	Thành viên độc lập
4	Nguyễn Khắc Hải	0%	Thành viên	
5	Kim Jun Yeon	0%	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4/5/2016

- HĐQT bổ nhiệm Ông Jung Woo Lee làm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bibica kể từ ngày 28/03/2009 đến nay;
- HĐQT bổ nhiệm Ông Trương Phú Chiến giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Bibica kể từ ngày 01/03/2008 đến nay.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị:
 - HĐQT đã thực hiện tốt vai trò giám sát hoạt động của Ban điều hành, đã tổ chức các cuộc họp để chỉ đạo chiến lược hoạt động và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - HĐQT đã tuân thủ quy định của pháp luật trong quản lý điều hành. Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - HĐQT đã tuân thủ và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



- Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Jung Woo Lee	CT. HĐQT	Ngày 28/03/2009	12 (03 cuộc họp trực tiếp và 09 cuộc họp thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)	100%	
2	Trương Phú Chiến	P.CT HĐQT	Ngày 26/03/2011	12 (03 cuộc họp trực tiếp và 09 cuộc họp thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)	100%	
3	Võ Ngọc Thành	Thành Viên	Ngày 27/03/2010	12 (03 cuộc họp trực tiếp và 09 cuộc họp thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)	100%	
4	Nguyễn Khắc Hải	Thành Viên	Ngày 24/10/2015	12 (03 cuộc họp trực tiếp và 09 cuộc họp thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)	100%	
5	Kim Jun Yeon	Thành Viên	Ngày 04/05/2016	12 (03 cuộc họp trực tiếp và 09 cuộc họp thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)	100%	

- Nội dung và kết quả của các cuộc họp:

Stt	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung
1	001379/BBC/NQ-HĐQT	05/04/2017	Thông qua đầu tư dự án bánh mì, bánh bông lan tại Nhà máy Bibica Hà Nội – Chi nhánh Công ty Cổ phần Bibica
2	001377/BBC/NQ-HĐQT	11/04/2017	Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
3	001385/BBC/NQ-HĐQT	12/04/2017	Công ty tạm ứng cổ tức đợt 02 năm 2016 bằng tiền
4	002170/2017/NQ-HĐQT	15/06/2017	Điều chỉnh loại chứng khoán cho Cổ đông
5	Biên bản tổng hợp ý kiến/BOD	15/06/2017	Đa số thành viên Hội đồng quản trị thống nhất đối với đề nghị chào mua công khai của Công ty Cổ phần thực phẩm PAN đối với cổ phiếu BBC
6	Biên bản tổng hợp ý kiến/BOD	08/08/2017	Biên bản tổng hợp ý kiến Hội đồng quản trị về việc thông qua Báo cáo kết quả chọn thầu thiết bị của Dự án Cracker
7	003320/BBC/NQ-HĐQT	05/09/2017	Công ty tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2017 bằng tiền
8	004418/2017/NQ-HĐQT-BIBICA	24/11/2017	Thành lập Công ty TNHH MTV Bibica Hà Nội và Công ty TNHH MTV Bibica Biên Hòa
9	004596/2017/BBC/NQ-HĐQT	01/12/2017	Sử dụng hiệu quả nguồn vốn của Công ty

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Lãnh đạo tạo đột phá / *Leader creates breakthrough;*

Năng Lực trình bày thực tiễn và truyền cảm hứng / *Ability to present practical and inspirational;*

Lãnh đạo và quản lý hướng đến hành động và kết quả / *Leadership and management directed to action and result;*

Lãnh đạo tạo gắn kết / *Leadership creates cohesion.*

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông/ Mr Vũ Cường	Thành viên	28/10/2013	03	100%	
2	Ông/ Mr Nguyễn Văn Giang	Thành viên	28/10/2013	03	100%	
3	Ông/ Mr Hur Jin Kook	Thành vi	28/10/2013	03	100% (UQ cho Ông Nguyễn Văn Giang	Công việc cá nhân

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò giám sát hoạt động của Ban điều hành, đã tổ chức các cuộc họp để chỉ đạo chiến lược hoạt động và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ quy định của pháp luật trong quản lý điều hành. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
- Ngoài ra Ban điều hành đã thực hiện tốt chính sách của Nhà nước, chính sách nhân sự luôn được quan tâm, đảm bảo việc làm và ổn định thu nhập của người lao động;
- HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Đối với Cổ đông: Trong năm 2017, BKS công ty không nhận được đơn yêu cầu hay khiếu nại của Cổ đông hay Nhóm Cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao HĐQT:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	MỨC THÙ LAO (Đồng / tháng)	THÙ LAO HĐQT NĂM 2017	GHI CHÚ
1	Jung Woo Lee	Chủ tịch	15.000.000	180.000.000	Thuế TNCN không cư trú 20%
2	Trương Phú Chiến	Phó chủ tịch	15.000.000	180.000.000	
3	Kim Jun Yeon	Thành viên	15.000.000	180.000.000	Thuế TNCN không cư trú 20%
4	Võ Ngọc Thành	Thành viên	15.000.000	180.000.000	
5	Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	15.000.000	180.000.000	
	TỔNG			900.000.000	

- Thù lao BKS:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ	THÙ LAO BKS 2017	GHI CHÚ
1	Hur Jin Kook	Thành viên	20%	50.400.000	
2	Nguyễn Văn Giang	Thành viên	40%	100.800.000	
3	Vũ Cường	Thành viên	40%	100.800.000	
	TỔNG			252.000.000	

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Mr Trương Phú Chiến	Phó CT HĐQT, kiêm TGD	118.075	0,77%	2.000	0,01%	Bán
2	Mr Võ Ngọc Thành	Thành viên HĐQT	302.500	1,96%	2.500	0,02%	Bán
3	Mr Phan Văn Thiện	Phó Tổng Giám Đốc	30.447	0,20%	447	0,003%	Bán
4	Ms Trần Thanh Trúc	Người có liên quan của Người nội bộ	1.300	0,008 %	0	0%	Bán
5	Mr Vũ Văn Thức	Phụ trách K.TCKT	1.541	0,01%	1	0,000%	Bán

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có;

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. Báo cáo kiểm toán độc lập**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Bibica

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo của Công ty Cổ phần Bibica (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 22 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đoàn Thị Thu Thủy

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán

Số: 1070-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán

Số: 3040-2014-004-1

Báo cáo tài chính được kiểm toán:**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		817.411.817.054	789.309.796.393
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	394.908.116.622	368.688.250.041
111	1. Tiền		39.908.116.622	65.915.450.041
112	2. Các khoản tương đương tiền		355.000.000.000	302.772.800.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		182.921.702.187	216.529.535.252
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	4.618.744.826	4.618.744.826
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(1.697.042.639)	(2.089.209.574)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	180.000.000.000	214.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	125.182.971.053	97.490.045.760
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		111.864.421.827	78.590.050.187
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.927.887.525	12.049.639.637
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		14.881.831.662	10.570.945.058
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.491.169.961)	(3.720.589.122)
140	IV. Hàng tồn kho	7	104.786.755.587	100.903.638.657
141	1. Hàng tồn kho		108.083.807.726	104.015.435.313
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.297.052.139)	(3.111.796.656)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.612.271.605	5.698.326.683
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	5.815.213.548	3.984.441.240
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	14	3.665.293.281	1.475.532.856
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	14	131.764.776	238.352.587
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		302.047.201.084	251.838.264.523
220	I. Tài sản cố định		252.574.938.898	206.533.187.489
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	249.165.960.820	202.273.094.999
222	Nguyên giá		666.994.225.734	584.347.444.852

223	Giá trị hao mòn lũy kế		(417.828.264.914)	(382.074.349.853)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	3.408.978.078	4.260.092.490
228	Nguyên giá		9.292.486.943	9.292.486.943
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.883.508.865)	(5.032.394.453)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		7.023.092.969	3.043.705.374
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	7.023.092.969	3.043.705.374
260	III. Tài sản dài hạn khác		42.449.169.217	42.261.371.660
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	39.181.064.450	39.341.232.578
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	26.3	3.268.104.767	2.920.139.082
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.119.459.018.138	1.041.148.060.916
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		300.010.528.683	288.291.233.439
310	I. Nợ ngắn hạn		279.141.091.005	267.550.910.686
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	100.434.209.248	95.570.976.947
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	3.324.567.653	6.373.109.162
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	17.024.049.422	13.744.493.832
314	4. Phải trả người lao động		7.867.563.471	10.476.155.903
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	145.917.501.102	136.655.973.027
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	2.625.018.437	3.100.308.610
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.948.181.672	1.629.893.205
330	II. Nợ dài hạn		20.869.437.678	20.740.322.753
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	5.641.387.232	5.841.395.442
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	18	15.228.050.446	14.898.927.311
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		819.448.489.455	752.856.827.477
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	819.448.489.455	752.856.827.477
411	1. Vốn cổ phần		154.207.820.000	154.207.820.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		154.207.820.000	154.207.820.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		302.726.583.351	302.726.583.351
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		281.266.237.791	224.553.967.078
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		81.247.848.313	71.368.457.048
421a	- Lợi nhuận phân phối thừa đến cuối năm trước		(660.346.503)	(660.346.503)

421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		81.908.194.816	72.028.803.551
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.119.459.018.138	1.041.148.060.916

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu về bán hàng	20.1	1.299.388.457.752	1.271.249.285.355
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(9.495.469.919)	(7.816.647.111)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	1.289.892.987.833	1.263.432.638.244
11	4. Giá vốn hàng bán	21	(880.639.525.129)	(818.052.516.238)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		409.253.462.704	445.380.122.006
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	23.729.344.593	18.236.228.681
22	7. Chi phí tài chính		(1.461.461.285)	(711.421.616)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(242.232.171.010)	(285.308.631.412)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(71.219.422.814)	(72.892.714.000)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		118.069.752.188	104.703.583.659
31	11. Thu nhập khác	25	3.344.477.004	1.761.881.615
32	12. Chi phí khác	25	(3.084.168.070)	(9.447.608.857)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	25	260.308.934	(7.685.727.242)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		118.330.061.122	97.017.856.417
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(21.349.049.991)	(16.004.388.659)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	347.965.685	267.804.993
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		97.328.976.816	81.281.272.751
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		97.328.976.816	81.281.272.751
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.4	5.996	4.878
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.4	5.996	4.878

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)****Năm 2017**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		118.330.061.122	97.017.856.417
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	40.090.009.187	40.958.629.428
03	Hoàn nhập dự phòng		(107.207.478)	(1.827.460.685)
04	Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		561.780.816	(1.962.436.227)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(23.081.804.857)	(15.702.336.512)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		135.792.838.790	118.484.252.421
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(35.476.626.109)	110.219.652.932
10	Tăng hàng tồn kho		(4.068.372.413)	(18.065.034.438)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		8.362.207.371	(6.005.534.050)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		1.346.533.339	(551.471.014)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(17.427.513.105)	(19.901.112.684)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.225.046.078)	(9.377.827.599)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		81.304.021.795	174.802.925.568
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(82.681.420.064)	(8.104.303.852)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		161.776.772	45.000.000

24	Thu hồi khoản tiền gửi có kỳ hạn		431.494.043.440	186.000.000.000
25	Chi tiền gửi có kỳ hạn		(397.494.043.440)	(271.000.000.000)
27	Lãi tiền gửi nhận được		18.608.384.256	12.977.027.998
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(29.911.259.036)	(80.082.275.854)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức đã trả	19.2	(24.673.251.200)	(27.757.407.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(24.673.251.200)	(27.757.407.600)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		26.719.511.559	66.963.242.114
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		368.688.250.041	299.793.647.514
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(499.644.978)	1.931.360.413
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	394.908.116.622	368.688.250.041

Thông tin báo cáo tài chính đã kiểm toán vui lòng tham khảo trên Website Bibica theo địa chỉ <http://www.bibica.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh-451>.

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2018

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



Trương Phú Chiến